

CẢM QUAN VĂN HÓA NAM BỘ TRONG SÁNG TÁC CỦA SƠN NAM

LÊ THỊ NGÂN TRANG^(*)

Sơn Nam sinh ra và lớn lên vùng đất mới với những sông ngòi, kênh rạch chằng chịt chi phối gần như tất cả tác phẩm của nhà văn. Ông đã đi và chứng kiến những bước thăng trầm của quê hương trong suốt cuộc đời mình. Những điều mắt thấy tai nghe, những điều ông chiêm nghiệm đều trở thành chất liệu đưa vào tác phẩm của mình với góc nhìn văn hóa. Trong mỗi tác phẩm từ truyện ngắn, truyện dài đến ký của Sơn Nam đều bộc lộ rất rõ một *cảm quan nhận thức mạnh mẽ và sâu sắc về bản sắc văn hóa vùng đất Nam Bộ* nói chung và Tây Nam Bộ quê hương ông nói riêng. Nhà nghiên cứu Trần Văn Khê nhận xét: “*Trong cuộc đời, anh đã đem văn hóa miền Nam nước Việt đến bao nhiêu người Việt Nam trong và ngoài nước*”⁽¹⁾. Nhà văn đã đi sâu vào khai thác văn hóa Nam Bộ theo hai góc độ: Văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần.

a. Văn hóa vật chất

Văn hóa vật chất của vùng đất Nam Bộ thông qua các sáng tác văn học của nhà văn Sơn Nam có thể được kể đến như văn hóa mưu sinh, văn hóa cư trú, văn hóa giao thông, văn hóa trang phục, văn hóa ẩm thực... Trong phạm vi bài viết, người viết đề cập đến văn hóa mưu sinh, văn hóa cư trú, văn hóa giao thông, văn hóa ẩm thực

Văn hóa mưu sinh: Nghề đầu tiên được xem trọng của người dân Nam Bộ chính là nghề nông. Theo quan niệm phần lớn người Việt thì nghề làm ruộng là nghề ổn định, không bấp bênh... Niềm mong ước lớn nhất của những người nông dân là trở thành tiểu điền chủ với vài mẫu đất ruộng, có thể thấy trong *Xóm Bàu lúng, Vạch một chân trời, Một vũng máu tằm thương, Ruộng lò bom...* Sau nghề làm ruộng là nghề rừng, và nghề cá “*Nhứt phá sơn lâm, nhì đằm hà bá*”. Nghề

^(*) NCS – Học viện Khoa học xã hội.

rừng và nghề cá là hai nghề đầu tiên được con người “chân ướt chân ráo” đến mảnh đất xa xôi, kỳ bí này chọn lựa. Việc dễ dàng nhất để tồn tại ở một vùng đất mới là phá rừng và vớt cá, tôm, cua dưới sông rạch để sinh sống. Phá rừng để lấy củi bán, lấy đất làm ruộng...; bắt thủy sản dưới nước để có cái ăn hàng ngày.

Ngoài ra, người dân Nam Bộ còn nhiều nghề khác để mưu sinh như nghề ăn ong tức nghề thu hoạch mật ong rừng được nói đến trong các truyện như *Bà Chúa Hòn*, *Chuyện tình một người thường dân*, *Vạch một chân trời*, *Cái tổ ong*...; nghề bắt chim cũng rất phổ biến của người Nam Bộ được tác giả mô tả trong các truyện *Con trích ré*, *Thằng chạp chim về*...; nghề len trâu, một nghề rất đặc thù ở Nam Bộ được Sơn Nam đề cập đến trong các truyện *Một cuộc bể dâu*, *Một vũng máu bình thường*, *Mùa len trâu*...; nghề bắt sấu cũng được mô tả rất kỹ trong các truyện *Bắt sấu rừng U Minh Hạ*, *Con sấu cuối cùng*, *Sông Gành Hào*...; ngoài ra còn có nghề chế biến thủy hải sản như trong *Ngày hội Ba Khía* hay kinh doanh lúa gạo, nghề này thường rơi vào những doanh thương người Hoa vì người Việt, người Chăm và người Khơ Me một phần vì không thích hoặc không quan tâm, một phần vì không có khả năng buôn bán như trong *Hội ngộ bến Tầm Dương*, *Đồng thanh tương ứng*...

Văn hóa cư trú: Người Nam Bộ sinh sống trong môi trường sông nước, hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt. Trong tác phẩm của Sơn Nam, người đọc dễ dàng thấy những hình ảnh của sông, rạch, kênh xáng mức... khiến cho các lưu dân Việt Nam đi khai hoang, tìm đất sống, đến nơi này cư trú buộc phải chọn giải pháp là cất nhà sàn để trú chân. Họ tận dụng những vật liệu tự nhiên như lá dừa nước, cây tràm, cây đưng... để làm nhà ngay trên những bãi đất bồi hay trên các cù lao ở giữa sông để tránh lụt lội như trong *Bà vợ thứ mười*, *Xuất quỷ nhập thần*, *Một cuộc bể dâu*, *Hồi ký Sơn Nam*... Có thể nói rằng nhà sàn “cao ráo”, là giải pháp tối ưu cho người dân Nam Bộ vì chúng có thể giúp những người dân đi khai hoang có thể vừa tránh lụt lội, vừa ngăn ngừa bệnh tật do sự ẩm thấp của vùng sông nước gây ra.

Chòi là những căn nhà được lợp tạm bợ, hình thức làm nhà của đại đa số người dân Việt khi đến vùng đất mới để kiếm sống như *Con cá chết đại*, *Theo chân người tình – một mảnh tình riêng*, *Xóm Bàu Láng*, *Biển cô miền Tây – Hình bóng cũ*... Khi khá giả hơn, họ mạnh dạn bỏ tiền ra xây cất nhà cửa kiên cố để ổn định lâu dài, bằng ngược lại, họ lại tiếp tục con đường đi tìm vùng đất khác để kiếm sống hơn. Trong tác phẩm Sơn Nam hình ảnh những căn chòi xuất hiện rất nhiều trong các truyện như *Xóm Bàu láng*, *Con cá chết đại*, *Sông Gành Hào*, *Hết thời*

oanh liệt... Một hình thức cư trú khác, đó là người dân sống và làm việc trên ghe, xuồng và nghiêm nhiên, họ xem ghe, xuồng như ngôi nhà của mình. Điều này có thể thấy trong *Vạch một chân trời, Xóm Bàu Láng, Sông Gành Hào...*

Văn hóa giao thông: Người Nam Bộ sinh sống trong môi trường sông nước, hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt. Trong tác phẩm của Sơn Nam, người đọc dễ dàng thấy những hình ảnh của sông, rạch, kênh xáng mức... do vậy, vấn đề giao thông của miền Nam không giống ở các vùng đồng bằng khác. Ghe, xuồng, tàu, bè, tam bản... là những phương tiện thiết yếu dùng để đi lại trên sông nước của người dân Nam Bộ. Hầu hết các tác phẩm của Sơn Nam viết về nông thôn đều đề cập đến đò, ghe, xuồng... Người dân di chuyển từ nơi này đến nơi khác vì cuộc sống, vì có tính mạo hiểm, thích phiêu lưu, buôn bán mưu sinh... đều sử dụng ghe, đò, xuồng, tam bản... như *Xóm Bàu Láng, Bà Chúa Hòn, Vạch một chân Trời, Ba kiểu chạy buồm, Con Bầy đưa đò...* Ở Nam Bộ, việc ứng phó với môi trường sông nước thường xuyên và liên tục đã tạo cho những người sử dụng ghi thuyền có những kinh nghiệm quý báu khi vận chuyển trên sông như tình trạng nước xuôi mà gió ngược hoặc nước ngược mà gió xuôi, mỗi trường hợp đều có cách xử lý riêng cho phù hợp, điều này có thể thấy rõ trong *Vet lục bình, Ba kiểu chạy buồm...*

Văn hóa giao thông ở Nam Bộ, đặc biệt là Tây Nam Bộ là địa hình có sông ngòi kênh rạch chằng chịt thì chiếc xuồng là phương tiện cơ bản nhất, còn khu vực sinh lầy thì người ta sáng tạo ra trâu kéo cộ, trâu kéo ghe hoặc cưỡi trâu để đi lại. Ở những nơi có địa hình cao ráo thì con người sử dụng xe bò, xe ngựa...

Văn hóa ẩm thực: Ẩm thực của người dân Nam Bộ cũng bị ảnh hưởng theo môi trường tự nhiên, mang đậm dấu ấn thời khắc hoang. Sơn Nam nhận thấy sự giao thoa rất rõ rệt trong vấn đề ẩm thực của người Việt, người Hoa và người Khơ Me như món mắm cá lóc đem chung cách thủy của người Việt, kiểm "hầm dũy", vịt quay, tiềm, lẩu... của người Hoa; món canh chua, Xiêm lo của người Khơ Me. Miền Nam được thiên nhiên đãi ngộ: Lươn, cua, tôm, cá, ếch, rắn, chuột đồng... dưới sông, dưới rạch; rau nhiều loại mọc khắp đồng, trên rừng, dưới sông như măng tre, bí rợ, mướp đắng, bông điên điển..., ngoài ra, còn các loại rau rừng như nghể, bông súng, rau dừa chỉ, cỏ hẹ, đọt xoài, đọt xộp, đọt vừng, đọt chiếc, dây rau cau, đọt com nguội... Người miền Nam hay ăn cơm với cá kho thật mặn, có thể để dành nhiều ngày. Đây là dấu ấn thời khắc hoang xưa, người đi khai hoang có thể vừa đi vừa ăn để không mất thời gian ngừng xuồng lại, lên bờ nấu ăn... Không chỉ cá lóc, cá trê, cá chép... là những món ăn khoái khẩu mà khô, những chế phẩm từ

thủy sản cũng được ưa chuộng. Khô là cá, mực... sau khi đánh bắt, ướp muối rồi phơi khô. Mắm cũng là những món ăn đặc trưng của miền Nam, được người miền Nam yêu thích và lấy làm tự hào vì những món ăn mang hương vị quê hương. Mắm thì được làm từ các loại cá. Có nhiều loại mắm: nước mắm, mắm cá lóc, mắm cá sặt, mắm thái Châu Đốc... có thể thấy trong các truyện *Hội ngộ bến Tầm Dương*, *Con trích ré*, *Theo chân người tình & Chim quỳên xuống đất...*

Đọc tác phẩm Sơn Nam, người đọc luôn cảm thấy thú vị vì nhà văn đã cung cấp cho họ những hiểu biết về văn hóa vật thể của người dân Nam Bộ cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX mà không phải nhà văn nào cũng làm được. Qua đó, những thế hệ sau này sẽ cảm thấy trân trọng và tự hào hơn với những công lao to lớn của tiền nhân trong việc mở rộng bờ cõi và tạo lập một miền Nam trù phú như ngày nay.

b. Văn hóa tinh thần

Tiếp cận với tác phẩm Sơn Nam, người đọc cũng tiếp cận được với nền văn hóa tinh thần hay còn gọi là văn hóa phi vật thể của con người Nam Bộ, nó bao gồm những ý niệm, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, chuẩn mực, hành vi đối xử, văn học nghệ thuật...

Văn hóa ứng xử: Một trong những biểu hiện của văn hóa tinh thần là cung cách ứng xử của con người với môi trường sống. Đó là cách cư xử giữa con người với thiên nhiên, con người với con người. Văn hóa ứng xử thể hiện trong ngôn ngữ, giọng điệu, nét mặt, cử chỉ, hành động... Tác phẩm Sơn Nam đã giúp người đọc có những kiến thức về văn hóa ứng xử của người bình dân Nam Bộ thuở trước.

Văn hóa ứng xử của con người với thiên nhiên: Sống trong môi trường khắc nghiệt, họ đã hình thành một lối ứng xử rất đặc trưng của con người Nam Bộ, đó là ứng xử với thiên nhiên. Thiên nhiên Nam Bộ, thuở ban sơ tiềm tàng những hiểm nguy khó đoán, những người khấn hoang phải tìm những phương cách để thích ứng môi trường thiên nhiên khắc nghiệt (*Vạch một chân trời*). Để được xem hát bội, người Nam Bộ sáng tạo ra sân khấu trên sông (*Hát bội giữa rừng*). Để tránh muỗi khi đi xuống trên sông, họ đã sáng tạo ra những cách "*Ngủ mừng gió, ngủ mừng nước*". Họ quyết tâm giết con sấu làm hại dân lành, để giảm bớt tai họa cho dân làng (*Bắt sấu rừng U Minh Hạ*, *Sông Gành Hào*); gan dạ dũng cảm chiến đấu với con heo khịt phá hoại mùa màng (*Con heo khịt*); không chể đờng nước để ghe xuống đi lại dễ dàng (*Vệt lục bình*)... học được cách trồng lúa trên vùng trũng ngập nước (*Ruộng lò bom*); biết cách đánh bắt được nhiều cá hay đánh bắt vào mùa nước mặn tràn vào vùng nước ngọt (*Con cá chết đại*,

Người mù giăng câu); sáng tạo ra các kiểu chạy buồm trên sông có nhiều con nước khó bảo (*Ba kiểu chạy buồm*)...

Văn hóa ứng xử giữa con người với con người: Trong văn hóa cư xử giữa người với người, cung cách của người Nam Bộ có sự thống nhất trong đa dạng. Nét chung của họ là bộc trực, thẳng thắn, nghĩ sao nói vậy, kiệm lời, không hoa hòe, giả tạo, không quá quy lụy... Trong văn xuôi của Sơn Nam, ta gặp nhiều kiểu cách ăn nói như lối ăn nói xác xược, ngạo mạn của Bảy Tiểu (*Cậu Bảy Tiểu*), cai Tổng Biện (*Xóm Bàu Láng*), Xã Tư (*Hồn người trong ly rượu*), Hai Điền, thẳng Cậu (*Bà Chúa Hòn*), lão Henri Nhan (*Hình bóng cũ*)...; có lúc ta bắt gặp giọng điệu ngang tàng, nghĩa hiệp của Tư Hiền - thủ lĩnh Đảng cướp (*Đảng Cánh buồm đen*), lão Khăn Đen (*Xóm Bàu Láng*), có khi là giọng điệu cao đạo như ông Tây kiểm lâm Rốp (*Sông Gành Hào*); thâm trầm sâu sắc thích triết lý như Lục cụ Tăng Liên (*Chiếc ghe Ngo*)...

Người dân Nam Bộ sống nhờ vào thiên nhiên nên có mối quan hệ mật thiết với chim muông, cây cỏ, sông nước... Trải qua một quá trình đấu tranh sinh tồn rất gian nan, bèn bĩ, những cư dân Nam Bộ đã hình thành nên một mối quan hệ gắn bó thân thiết giữa con người với con người và con người với thiên nhiên. Họ sống gần gũi với thiên nhiên và thuận theo lẽ tự nhiên để mong có cuộc sống bình yên giữa chốn trời cuối đất này. Họ quan niệm vạn vật nhất thể, có chi phối ảnh hưởng lẫn nhau nên từ đó sinh ra cách cư xử hài hòa giữa ba yếu tố Thiên – Địa – Nhân như trong *Cao khi U Minh*, *Hai côi U Minh*, *Hình bóng cũ*...

Văn hóa tín ngưỡng

Văn xuôi của Sơn Nam cũng phản ánh hình thức sinh hoạt tín ngưỡng của người dân Nam Bộ trong quá trình đi mở cõi. Họ thành thật tin các loại thần thánh. Có thể thấy niềm tin chất phác của họ qua lời của nhân vật chú Tư Đức trong truyện *Sông Gành Hào* “Tôi chưa hiểu hai tiếng tín ngưỡng là gì. Tôi tin Trời, tin Phật, thờ cha kính mẹ, quý mến ông già bà cả”⁽²⁾. Điều đó cho thấy khả năng dung hợp văn hóa của con người Nam Bộ.

Con người miền Nam sống trong địa bàn sông nước nên có nhiều sinh hoạt văn hóa liên quan tới sông nước. Mỗi năm khi mãn mùa lúa, người Khmer Nam Bộ thường làm lễ tạ ơn nước, vì nhờ nước mà lúa được xanh tươi, con người no ấm. Người dân không chỉ tin thờ Trời, Phật, người đã khuất mà còn thờ cả những vật dụng đã từng gắn bó với con người như chiếc ghe ngo (*Chiếc ghe ngo*), những hòn đá (*Hình bóng cũ*). Sơn Nam còn đề cập đến tục cúng đất, cúng thần, cúng tổ, ma chay... Bất cứ ngành nghề gì cũng có ngày cúng tổ. Ngư dân muốn

bắt được nhiều tôm cá thì phải chọn ngày tốt gọi là ngày *Bỏ tróc* (Con Bà Tám). Luật nhân quả cũng được Sơn Nam thể hiện sinh động trong tiểu thuyết *Bà chúa Hòn...* Các truyện *Chim quỳên xuống đất*, *Hình bóng cũ*, *Mây trời và rong biển...* cũng phản ánh sinh động quy luật ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ...

Hình thức sinh hoạt văn nghệ

Nam Bộ là vùng sông nước, chủ yếu là dòng sông, kênh, rạch, ruộng vườn... Trên cái nền miền quê đó, cuộc sống của người dân đồng bằng nơi đây từ thuở sơ khai đến ngày kháng chiến chống Pháp có đặc điểm là *"nếp sống cực khổ nhưng nhàn rỗi"*. Rừng U minh thời bấy giờ vốn là vùng bùn lầy. Người dân chỉ làm nghề làm ruộng, đốn củi, ăn ong... theo mùa, nên thời gian rảnh rỗi, họ *"cờ bạc suốt năm"*, *"cờ bạc không cần ăn thua, cốt để khuây khỏa nỗi nhớ nhà"*. Có nhiều hình thức sinh hoạt văn nghệ được hình thành và phát triển ở miền Nam:

Hát bội là loại hình nghệ thuật dân gian độc đáo và được mọi người ưa thích ở Nam Bộ, có nguồn gốc từ miền Trung (Quảng Nam, Bình Định) do các lưu dân Việt trên đường Nam tiến đã mang theo để tưởng nhớ ông bà tổ tiên, cội nguồn. Một hình ảnh vừa lạ lùng, vừa huyền bí gây xúc động lòng người khi thấy tinh thần yêu hát bội của người dân Nam Bộ trong **Hát bội giữa rừng**, người dân vì ham mê coi hát bội sẵn sàng nuôi cả đoàn hát, làm sân khấu trên sông để phòng sâu và cọp. Những truyện đề cập đến hát bội là *Hết thời oanh liệt*, *Lũ trẻ chăn trâu*, *Hai con cá...*

Hò huê tình (Hò đối đáp): Nam Bộ là cái nôi sản sinh những hình thức sân khấu dân gian miệt vườn. *Hò huê tình* hay còn gọi là *hò đối đáp* là một nét văn hóa đặc sắc của người dân Nam Bộ, người hát tùy vào hoàn cảnh và kiến thức có được mà linh hoạt trong đối đáp. Hò thường có lớp lang đầu đuôi... để chúc mừng lẫn nhau, chúc mừng chủ ruộng, tạ ơn Thần Nông, vui đùa thư giãn hoặc để bày tỏ tình cảm, tâm sự với nhau... Nhà văn dành cả một truyện ngắn **Con Bầy đưa đồ** viết về hình thức hò đối đáp. Ngoài ra trong các truyện như *Ngày xưa tháng chạp*, *Vọc nước giồng trắng*, *Chuyện rừng tràm*, *Cô Út về rừng...* cũng có đề cập đến hình thức này.

Hát vọng cổ hay còn gọi là hát cải lương, là một loại hình nghệ thuật độc đáo rất được người dân Nam Bộ ưa chuộng. Ra đời muộn hơn các loại hình nghệ thuật khác. Đây là một đóng góp lớn về văn hóa của Nam Bộ, hình thành trên cơ sở dân ca Đồng Bằng Sông Cửu Long và nhạc tế lễ. Theo Trần Văn Khê, "cải lương" nghĩa là sửa đổi cho tốt đẹp hơn. Vọng cổ có âm điệu buồn, thích hợp để bộc lộ nỗi nhớ nhà của những người tha phương. Đó cũng cách thức để họ bộc lộ

nổi lòng thầm kín trong tình yêu, chuyện riêng tư gia đình đến chuyện nhân tình thế thái ngoài xã hội. Khán giả thường là những bạn nhậu hoặc đàn bà, trẻ con. Hát vọng cổ được đề cập đến trong các truyện *Ông già xay lúa*, *Người tình của cô đào hát*, *Hội ngộ bến Tầm Dương*, *Ngày mưa đầu mùa*, *Anh hùng rơm*, *Con trich rê*...

Ngoài những hình thức văn nghệ trên, ở miền Nam còn có hát tài tử, thai đồ, hát Văn Tiên, xem Sơn Đông mãi võ... những hình thức này cũng được Sơn Nam đưa vào tác phẩm. Nhà văn đã mang giọng hò, tiếng hát, tiếng đàn kìm, tiếng đàn bầu, tiếng đàn nhị... những âm thanh quen thuộc tạo nên linh hồn quê hương của mỗi người vào các sáng tác văn học và cả biên khảo. Theo ông, chính những yếu tố văn hóa tinh thần này đã tạo nên bản sắc dân tộc cho mỗi vùng, mỗi miền. Và những điệu hát bội, hát cải lương, hát huê tình... đã làm nên chất Nam Bộ quê hương ông. Sơn Nam cho rằng *"Vùng đồng bằng quả là nơi bảo lưu nhạc dân tộc, luôn cả những điệu, hò, vè của cả nước, từ xưa"*⁽³⁾.

Cảm hứng về con người miền Nam

Hình ảnh con người trong tác phẩm Sơn Nam là những người nông dân, những người lao động thành thị vất vả kiếm sống hay những trí thức nghèo mà nhà văn gặp hàng ngày. Cảm hứng nhân vật đời thường dẫn Sơn Nam tìm kiếm và thể hiện những thân phận và xây dựng nhân vật theo quan niệm đó. Nhân vật trong tác phẩm Sơn Nam là những con người đủ mọi thành phần đến từ các nơi trên đất nước, ngoài ra còn có người Hoa, người Khơ Me... họ đi tìm đất sống và trở thành cư dân của vùng đất mới. Họ là những con người mà theo Phan Quang trong *Đồng bằng sông Cửu Long* nhận định: *"tính cách rất đặc trưng Nam Bộ: thẳng thắn, bộc trực, trọng nghĩa quên mình, trọng thực tế hơn lý thuyết, trọng đạo lý hơn giàu sang quên mình, ghét sự tính toán thiệt hơn"*⁽⁴⁾. Sơn Nam đi nhiều, hiểu rộng, ông nắm rõ tính cách của người Nam Bộ. Trong quá trình xâm nhập thực tế, ông lấy chất liệu từ cuộc sống mà tạo nên những nhân vật.

Nhà văn phản ánh sinh động và chân thật về con người Nam Bộ trong cuộc sống đời thực. Những con người hào hiệp, nghĩa khí, trọng nghĩa khinh tài, sống rất "điệu nghệ". Theo Sơn Nam, tính cách con người Nam Bộ là do đặc tính của vùng đất tạo nên, một vùng đất với thiên nhiên khắc nghiệt, thú dữ, rắn rết, vắt muỗi... là những mối đe dọa thường nhật. Những người trên bước đường khản hoang phải đoàn kết, tương trợ lẫn nhau để chống lại những mối đe dọa. Thêm nữa, đây cũng là vùng đất rộng, người thưa nên họ rất "thèm người", sẵn sàng đón nhận bất cứ ai ghé chơi hay nhờ vả, sẵn sàng cuơ mang những ai khó khăn

cơ nhờ... Trong *Bác vật xà bông*, ông bác vật X đến định cư ở vùng Xẻo Bần, mọi người trong xóm nhiệt tình đón nhận ông, còn ông khuyến khích mọi người đến cất nhà chung quanh trên vùng đất của ông cho vui “*Tôi không bao giờ có ý đuổi bà con. Tôi còn muốn kêu gọi bà con đến thêm. Ở đồng chùng nào vui chùng nấy*”⁽⁵⁾.

Từ cuộc sống đơn giản, đời thường, nhà văn đã tìm ra cái lớn lao, cái toàn cảnh chuyển động của xã hội. Đây chính là phong cách riêng của Sơn Nam trong vấn đề phản ánh lịch sử. Bằng sự tài hoa và tinh tế của ngòi bút của nhà “Nam Bộ học”, Sơn Nam liên kết những sự kiện đời thường với con người bình dân tạo thành một bức tranh lịch sử hào hùng làm nổi bật “Hào khí Nam Bộ”: Lịch sử khấn hoang và lịch sử chống ngoại xâm của miền Nam.

Tuy nhiên, tác phẩm của Sơn Nam đã làm cho những câu chuyện bình thường trở nên hấp dẫn. Đây chính là tài năng của nhà văn, ông đã tìm ra một hướng đi cho riêng mình. Những sinh hoạt đời thường đó được nhà văn khai thác từ góc độ văn hóa khiến cho không những người đọc vùng Tây Nam Bộ yêu thích mà ngay cả độc giả thành phố cũng quan tâm và mến mộ qua bao thế hệ.

Bút pháp tài hoa

Tiếp cận với những sáng tác văn chương của Sơn Nam, chúng ta có thể nhận thấy ngòi bút tài hoa, có tài quan sát, *nắm bắt nhanh nhạy những chi tiết đặc sắc, sinh động*. Nhà văn đi sâu vào cuộc sống, nắm rõ, hiểu sâu đối tượng miêu tả. Bên cạnh đó, ông còn có một kiến thức sâu rộng và phong phú về lịch sử, địa lý, thổ nhưỡng, văn hóa... của vùng đất mới thời khấn hoang nên những trang văn của ông ngồn ngộn chất sống. Ông có thể kể rành rọt về các loại chim, các loại rắn, cá, tôm... Rất nhiều những trang viết đã tái hiện lại “hào khí Nam Bộ” của một thời nhân dân ta trên đường “Nam tiến” mở rộng bờ cõi như vậy.

Sơn Nam còn có *thủ pháp dựng truyện, dựng cảnh đặc sắc*. Nhà văn có một vốn sống phong phú về lịch sử khấn hoang của miền Nam. Thêm vào đó, ông chịu khó nghiên cứu sâu những vấn đề lịch sử, địa lý, thiên nhiên, văn hóa... của vùng đất này. Chính vì vậy, ông đã sử dụng những hiểu biết về cảnh, về người để dựng lên trước mắt người cả một khung cảnh của một miền đất với thiên nhiên hoang vu, dữ dội, thú dữ cộp, sấu, muỗi, vắt... và những vất vả, nhọc nhằn của con người trên đường đi mở cõi... Nhà văn đã thành công khi dựng lên một bức tranh toàn thể vô cùng sinh động của miền Nam một thời hoang sơ nhưng thơ mộng.

Đối với nhà văn, dựng cảnh là một nghệ thuật quan trọng dù là truyện ngắn cũng như truyện dài. Sơn Nam đã sử dụng tài năng của mình để dựng lên một thời hào hùng đi mở cõi của dân tộc. Ngay ở thể ký, tài dựng cảnh của nhà văn cũng đặc sắc, đọc *Hồi ký Sơn Nam*, chúng ta có cảm tưởng như đọc truyện vậy.

Một biểu hiện tài hoa nữa của Sơn Nam là sử dụng nghệ thuật tả và kể chuyện. Có thể nói rằng Sơn Nam là *người kể chuyện hóm hỉnh và hấp dẫn*. Nhà văn sử dụng lối trần thuật từ nhiều điểm nhìn. Ông đứng trên nhiều góc độ. Lúc thì ông là người dẫn chuyện, có lúc ông kể lại chuyện mình với nhân vật “tôi”, trong truyện Sơn Nam rất nhiều truyện mà nhân vật là “tôi” (*Hình bóng cũ, Chuyện năm xưa, Cao khi U Minh, Cậu Bảy Tiểu...*). Đặc biệt nhân vật “tôi” trong hồi ký hấp dẫn người đọc bằng lối kể chuyện hồn nhiên, chân thật nhưng có cái duyên hóm hỉnh rất riêng và độc đáo của nhà văn. Sơn Nam không bao giờ lớn tiếng, lên giọng triết lý nhưng trong mỗi câu chuyện của ông, bao giờ cũng thấp thoáng triết lý nhân sinh sâu sắc.

Sơn Nam là ngòi bút có nhiều đóng góp cho nền văn xuôi hiện đại. Khảo sát văn xuôi Sơn Nam, chúng ta có thể nói rằng *Cảm quan văn hóa Nam Bộ* là hạt nhân phong cách nghệ thuật Sơn Nam. Đó cũng là hướng nhà văn chọn đề tài, khai thác, phản ánh đời sống hiện thực, xây dựng chủ đề, nội dung tư tưởng tác phẩm, sáng tạo thế giới nhân vật, cấu trúc câu văn, sử dụng ngôn ngữ... để từ đó khẳng định phong cách nghệ thuật nhà văn. Từ khi cầm bút, ông đã tìm cho mình một hướng đi nghệ thuật riêng biệt. Sơn Nam đã tạo dựng cho mình một chỗ đứng trang trọng trên văn đàn cũng như nền văn học dân tộc nhờ dấu ấn phong cách độc đáo của ông □

(1) Kiên Giang – Hà Huy Hà: *Tinh nghĩa giáo khoa thư trong tâm hồn nhà văn Sơn Nam*. Tạp chí *Xưa & Nay*, số 314, tháng 8/2008.

(2), (5) Sơn Nam: *Hương rừng Cà Mau*, tập 1. Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, tr.187, 74.

(3) Sơn Nam: *Sài Gòn xưa - Ấn tượng 300 năm - Tiếp cận với Đồng Bằng Sông Cửu Long*. Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.

(4) Phan Quang: *Bút ký đồng bằng sông Cửu Long*. Nxb. Lao động, H., tr.317.